

HỘI CHUR BÀ CỦA PHẬT GIÁO NHÌN TỪ LÝ THUYẾT VỐN XÃ HỘI

(Nghiên cứu trường hợp Hội Chư bà ở chùa Ngọc Tân, Yên Sở,
Hoài Đức, Hà Nội)

Tóm tắt: Vận dụng lý thuyết vốn xã hội của Pierre Bourdieu, chúng tôi nghiên cứu quá trình thực hành Phật giáo của Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân, xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội trên ba phương diện: kết nối đa điểm, vận hành đa phương, tương tác đa chiều. Nghiên cứu này của chúng tôi hướng tới mục tiêu vận dụng các lý thuyết nhân học hiện đại để tìm hiểu các vấn đề thực hành tôn giáo trong bối cảnh hội nhập toàn cầu ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Hội Chư bà, Phật giáo, vốn xã hội.

1. Mở đầu

Hội Chư bà¹ là một trong những tổ chức hội có vai trò đặc biệt quan trọng đối với quá trình thực hành Phật giáo tại Việt Nam. Giống như nhiều tổ chức phường hội khác, Hội Chư bà đã được nhiều nhà nghiên cứu văn hóa quan tâm, tìm hiểu. Tuy nhiên, nhìn lại lịch sử nghiên cứu Hội Chư bà, dễ dàng nhận ra, hầu hết các công trình nghiên cứu trước đây thường đi theo hướng khảo tả dân tộc học, tiêu biểu là công trình nghiên cứu *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính, xuất bản lần đầu năm 1915. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu Hội Chư bà từ một hướng tiếp cận mới: vận dụng các lý thuyết nhân học hiện đại để tìm hiểu trường hợp Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân, Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội².

2. Vốn xã hội theo quan niệm của một số nhà nghiên cứu khoa học xã hội

Có thể nói, Lyda Judson Hanifan³ là một trong số những người đầu tiên định danh khái niệm vốn xã hội vào năm 1916. Tuy nhiên, khái niệm vốn xã hội chỉ thực sự trở thành thuật ngữ khoa học quan trọng khi được

* TS., Khoa Việt Nam học, Đại học Sư phạm Hà Nội.

Pierre Bourdieu⁴ bàn luận chuyên sâu trong công trình *Các hình thức vốn* xuất bản năm 1986. Vào những thập niên 1990, vốn xã hội trở thành lĩnh vực được đặc biệt quan tâm trong nghiên cứu khoa học xã hội. Khái niệm này gắn với tên tuổi của Coleman (1988), Putnam (1995), Portes (1998), Lin (1999), Fukuyama (2001)... Tuy có không ít những phân tích, biện luận khác nhau, song về cơ bản, quan điểm về vốn xã hội của các nhà nghiên cứu trên đây thường gặp nhau ở ba điểm sau:

Thứ nhất, mối quan hệ giữa vốn xã hội và mạng lưới xã hội. Bourdieu quan niệm vốn xã hội kết nối với mạng lưới xã hội tương đối bền vững. Coleman cho rằng, vốn xã hội nằm trong mạng lưới xã hội. Putnam lại coi mạng lưới xã hội là một thành tố của vốn xã hội.

Thứ hai, mối quan hệ giữa vốn xã hội và lợi ích. Bourdieu phân tích rằng, vốn xã hội được tạo lập bởi quá trình đầu tư ngắn hoặc trung hạn. Sau khi đầu tư, chủ thể có thể sử dụng vốn xã hội để tạo sinh nhiều lợi ích khác nhau, như lợi ích kinh tế chẳng hạn. Cùng quan điểm này, Fukuyama phân tích: cá nhân có thể tạo và dùng vốn xã hội để đạt được mục đích của mình.

Thứ ba, mối quan hệ “có đi có lại” dựa trên niềm tin. Portes lập luận: sự trao đổi qua lại và lòng tin là nguồn gốc của vốn xã hội. Coleman khẳng định: trách nhiệm, sự mong đợi và lòng tin là các hình thức của vốn xã hội. Putnam cho rằng, vốn xã hội bao gồm các chuẩn mực của quan hệ trao đổi qua lại và sự tin cậy. Fukuyama cũng khẳng định: vốn xã hội bao gồm chuẩn mực của sự có đi có lại và vốn xã hội biểu thị sự tin cậy.

Trong hệ thống các quan điểm trên, quan điểm về vốn xã hội của Pierre Bourdieu không chỉ làm rõ nét đặc thù của vốn xã hội trong thế đối sánh với nhiều hình thức vốn khác mà còn phân tích chuyên sâu quá trình chuyển hóa của vốn xã hội. Theo Pierre Bourdieu, vốn xã hội là một “mạng lưới lâu bền bao gồm các mối liên hệ quen biết nhau và nhận ra nhau, (những mối liên hệ này) ít nhiều đã được định chế hóa”⁵.

Tổng hợp các quan điểm của Pierre Bourdieu, có thể thấy, vốn xã hội được hình thành trên cơ sở của mạng lưới xã hội. Tuy nhiên, muốn tạo thành nguồn vốn xã hội, mạng lưới xã hội phải phát triển bền vững trong một thời gian nhất định. Muốn phát triển bền vững, mạng lưới này cần được thể chế hóa ít hay nhiều tùy từng trường hợp. Để thể chế hóa, theo Pierre Bourdieu, các mối quan hệ trong mạng lưới cần được xây dựng trên cơ sở của niềm tin, của sự tương hỗ có đi có lại, của các quy tắc,

hành vi chuẩn mực hay chế tài. Khi có chiến lược đầu tư vào mạng lưới xã hội như vậy, chủ thể có thể có thể thu lợi bởi vốn xã hội có khả năng tạo sinh những nguồn lực hiện tại hoặc tương lai.

Chúng tôi vận dụng quan điểm về vốn xã hội của Pierre Bourdieu để nghiên cứu bởi lẽ giống như nhiều Hội Chư bà khác, thành viên của Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân được kết nối bởi một mạng lưới xã hội khá bền vững. Mạng lưới này đã được thể chế hóa không chỉ bởi niềm tin mà còn bởi các quy tắc, hành vi chuẩn mực thậm chí chế tài của nhà nước. Sau khi đầu tư, thành viên đã tìm kiếm nhiều lợi ích đặc biệt từ mạng lưới này. Tuy nhiên, không giống với nhiều Hội Chư bà tại địa phương khác, lợi ích mà nhiều thành viên của Hội Chư bà nơi đây thu được không chỉ tác động tới mỗi cá nhân mà còn tác động tới nhiều phương diện kinh tế, xã hội, văn hóa khác. Vì vậy, có thể nói, dưới góc nhìn vốn xã hội của Pierre Bourdieu, ba đặc điểm nổi bật của Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân là: *kết nối đa điểm, vận hành đa phương, tương tác đa chiều*. Ba điểm đặc thù này cũng chính là ba nội dung khoa học sẽ được chúng tôi lần lượt làm sáng tỏ trong bài viết này.

Tuy nhiên, do mạng lưới xã hội của Hội Chư bà được kết nối bởi niềm tin tôn giáo, mặt khác, mỗi lý thuyết đều có ưu điểm, hạn chế riêng nên cùng với lý thuyết vốn xã hội của Pierre Bourdieu, để giải quyết 3 nội dung khoa học trên, chúng tôi vận dụng thêm một số quan điểm của các thuyết khác như lý thuyết mạng lưới xã hội của J. Miller McPherson và Smith-Lovin, lý thuyết vốn xã hội của Robert Putnam David,...

3. Áp dụng lý thuyết vốn xã hội trong nghiên cứu Hội Chư bà chùa Ngọc Tân, Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội

3.1. Kết nối đa điểm

Như đã đề cập trong chú thích 1, Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân có lịch sử hình thành, phát triển lâu bền gắn kết chặt chẽ với 7 đời sư trụ trì. Cùng với tăng ni, Hội Chư bà chính là chủ thể thực hành tôn giáo. Thông qua Hội Chư bà, giáo lý của Phật đã được bình dân hóa, lan thấm sâu rộng trong dân gian. Hiện nay, Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân có khoảng 700 - 800 thành viên dưới sự thọ giáo của nhà sư Thích Đạo Thực. Nếu “(...) mạng lưới xã hội là phức hợp của các mối quan hệ hoạt động của các actor (thành viên tham gia) trong cộng đồng do con người xây dựng, duy trì và phát triển. Mạng lưới xã hội là môi trường, điều kiện để các thành viên tham gia hình thành, phát triển và khai thác các mối quan hệ xã hội trong

mạng lưới mà họ tham gia để đạt được thành công cho cá nhân và cộng đồng”⁶ thì có thể coi Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân là một mạng lưới xã hội. Theo mô hình diễn giải của J. Miller McPherson và Smith-Lovin, Hội Chư bà chùa Ngọc Tân thuộc loại hình mạng lưới đồng dạng, vận hành bởi đa điểm kết nối: điểm kết nối *đồng dạng nền tảng* (baseline homophily) và điểm kết nối *đồng dạng khác biệt* (inbreeding homophily). Điểm kết nối *đồng dạng nền tảng* hình thành trên cơ sở các thành viên có cùng chủng tộc, tộc người, nhóm tuổi... Như vậy, 800 thành viên của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân thuộc điểm kết nối *đồng dạng nền tảng* bởi trước hết đây là mạng lưới xã hội của những người phụ nữ trên 50 tuổi - tuổi có thể quy y Tam bảo. Trên cơ sở của điểm kết nối *đồng dạng nền tảng* có tính truyền thống này, Hội Chư bà đã phát triển với điểm kết nối *đồng dạng khác biệt*. Điểm kết nối *đồng dạng khác biệt* dựa trên cơ sở các thành viên khác giới tính, giáo dục, nghề nghiệp,... Với Hội Chư bà chùa Ngọc Tân, điểm kết nối *đồng dạng khác biệt* phát triển mạnh trong 10 năm trở lại đây. Khi Phật giáo bước vào giai đoạn hưng phát, giống như nhiều làng xã khác, người dân Yên Sở dốc một lòng, trông một đạo, hướng về Phật giáo. Trước kia, việc quy y của Phật vốn chỉ dành riêng cho các bà ở độ tuổi trên dưới 50 thì hiện nay, tại chùa Ngọc Tân, nhiều bà đã làm lễ quy y tam bảo cho cả con cháu nội, ngoại. Rải rác trong năm, đặc biệt thời điểm đầu năm mới, nhà sư Thích Đạo Thực tiến hành nhiều khóa lễ quy y cho tất cả các thành viên trong gia đình của nhiều Phật tử. Như vậy, sự phát triển mạnh của điểm kết nối *đồng dạng khác biệt* đã khiến mạng lưới xã hội của Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân thay đổi sâu sắc về cơ cấu thành viên. Đây không còn là một tổ chức hội chuyên hướng nội, dành riêng cho các bà ở độ tuổi trên 50 theo tập quán truyền thống “Trẻ vui nhà, già vui chùa”. Sự phát triển mạnh của điểm kết nối *đồng dạng khác biệt* đã khiến hội mang tính hướng ngoại, mở cửa để kết nối các thành viên ngoài hội. Sự phát triển mạnh của điểm kết nối *đồng dạng khác biệt* này giúp cho tín đồ Phật giáo tại chùa Ngọc Tân nói riêng, nhiều chùa khác ở Bắc Bộ nói chung phát triển nhanh không chỉ về số lượng mà còn phong phú về giới tính, nghề nghiệp, trình độ văn hóa,... Sự phát triển tín đồ trong mạng lưới xã hội của Hội Chư bà theo hướng kết nối đa điểm như trên chính là quá trình chuẩn bị lý tưởng về phương diện tín đồ để tạo đà bứt tốc mạnh mẽ cho Phật giáo trong tương lai.

Vậy nguyên nhân nào đã dẫn tới sự phát triển mạng lưới xã hội của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân phát triển theo hướng kết nối đa điểm?

Đối với điểm kết nối *đồng dạng nền tảng*, các thành viên trong Hội Chư bà tham dự, liên kết, gắn bó với nhau không chỉ bởi cùng độ tuổi mà còn bởi các yếu tố văn hóa tộc người. Như trên đã trình bày, theo phong tục truyền thống của người Việt “Làng đã có chùa, tất có Hội Chư bà. Chư bà là những đàn bà từ năm mươi tuổi trở lên hoặc người đã có tuổi mà góa chồng, mượn cửa chùa làm nơi vui thú”⁷. Tuy nhiên, sống trong môi trường làng xã với đặc tính cộng đồng cao, bên cạnh phong tục truyền thống, nhiều thành viên tham dự, gắn kết trong mạng lưới xã hội của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân còn có các mối quan hệ láng giềng, xóm ngõ, thân tộc,... Vì sự chênh chéo, đan cài của nhiều mối quan hệ phong tục, địa vực, huyết tộc,... mang đậm yếu tố văn hóa tộc người như vậy nên điểm kết nối *đồng dạng nền tảng* của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân duy trì được sự kết nối bền chặt.

Điểm kết nối *đồng dạng khác biệt* là hệ quả tất yếu của sự duy trì, phát triển điểm kết nối *đồng dạng nền tảng* bền chặt. Bởi lẽ, sau thời gian dài được thọ giới, ăn mày nơi cửa Phật, sớm tối, tuần tiết, sóc vọng tụng kinh niệm Phật, không ít thành viên của Hội đã bắt đầu đón ngộ Phật pháp, khai mở chân tâm. Khi thấu cảm được ít nhiều giáo lý cao siêu (cho dù sự cảm thấu này đã được bình dân hóa) thì họ sẽ đem lòng mến mộ, sùng tín và mong nguyện nhận được sự che chở trong vòng tay từ bi, bác ái của Phật. Trong bối cảnh xã hội có nhiều biến động như hiện nay, mối quan ngại về những rủi ro, bất trắc có thể bất ngờ xảy ra không chỉ với bản thân mà còn với cả gia đình luôn thường trực trong tâm trí, nhất là đối với người phụ nữ Việt Nam, trọn đời hy sinh vì chồng con, gia tộc. Vì vậy, họ - những người phụ nữ là thành viên mạng lưới xã hội của Hội Chư bà - theo quan điểm của Ronald Burt, đã trở thành những tác nhân trung gian (brokerage), đóng vai trò chủ thể giúp kết nối song tuyến giữa nội điểm và ngoại điểm của Hội Chư bà (cụ thể là Hội Chư bà và các thành viên trong nhiều gia đình Phật tử) với mong nguyện nhận được sự phù trì của Phật để có một cuộc sống bình an. Chính các tác nhân trung gian này là nguyên nhân cốt yếu phá vỡ điểm kết nối *đồng dạng nền tảng* hướng nội, tạo lập điểm kết nối *đồng dạng khác biệt* hướng ngoại. Kết quả của quá trình phá vỡ mối liên kết hướng nội ấy là 10 năm trở lại đây, mạng lưới xã hội của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân đã hình thành phát triển theo hướng kết nối đa điểm: *đồng dạng nền tảng* và *đồng dạng khác biệt*.

Dưới góc nhìn vốn xã hội, theo quan điểm của Robert Putnam David, các điểm kết nối *đồng dạng nền tảng* và *đồng dạng khác biệt* này chính là

cơ sở để hình thành hai loại vốn xã hội: liên kết vốn và bắc cầu vốn, trong đó liên kết vốn là cơ sở nền móng. Sự suy giảm hay tăng cường của liên kết vốn sẽ tương tác trực tiếp tới bắc cầu vốn.

Tuy nhiên, một câu hỏi đặt ra là để xây dựng, phát triển sự kết nối đa điểm, tạo cơ sở hình thành các loại hình liên kết vốn và bắc cầu vốn, mạng lưới xã hội của Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân đã vận hành thế nào? Câu hỏi này được chúng tôi trả lời trong nội dung nghiên cứu tiếp theo: vận hành đa phương.

3.2. Vận hành đa phương

Như Pierre Bourdieu đã chỉ ra, để tạo sinh các nguồn lực hiện tại hoặc tương lai, trong quá trình vận hành, mạng lưới xã hội cần phải duy trì sự phát triển lâu bền và được định chế hóa ít hay nhiều tùy trường hợp. Tuy nhiên, bên cạnh việc mạng lưới xã hội cần được định chế hóa ít nhiều, Coleman và Putnam cho rằng, các yếu tố như chuẩn mực (norms) và niềm tin xã hội (social trust) sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự kết nối, hợp tác nhằm đạt được các lợi ích tương hỗ.

Vận dụng các quan điểm trên để nghiên cứu quá trình vận hành mạng lưới xã hội của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân, có thể nhận ra hai đặc điểm nổi bật sau:

Thứ nhất, quá trình định chế hóa của Hội Chư bà kết gắn chặt chẽ với 3 chuẩn mực: chuẩn mực của giáo luật Phật giáo, chuẩn mực văn hóa truyền thống, và chuẩn mực luật pháp nhà nước.

Trước hết là chuẩn mực của giáo luật Phật giáo. Sau khi được thọ giáo, làm lễ quy y, Phật tử là thành viên của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân sẽ thực hành các hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ giáo luật của Phật giáo. Theo giáo luật, vào các ngày sóc vọng, tuần tiết, lễ hội... hoặc các khóa lễ của nhà chùa, Phật tử không chỉ cúng dường hương hoa, trà oản, được sự trụ trì thọ giới mà còn tụng kinh niệm Phật, nguyện cầu cho cuộc sống an lạc. Phật tử thường coi trọng Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng, bởi lẽ, Phật đáng trọng vì Ngài là người sáng lập Phật giáo. Pháp đáng trọng vì đó là giáo lý của Phật giáo. Tăng đáng trọng vì họ là người truyền giáo Phật pháp trong nhân gian. Từ góc nhìn giáo luật, có thể thấy, bên cạnh việc sùng tín Phật, Pháp như trên, Hội Chư bà chùa Ngọc Tân còn đặc biệt xem trọng tăng ni, nhất tâm một dạ vâng theo sự sắp đặt của sư trụ trì. Tháng 10/2014, sau khi cụ Nguyễn Thị Ty, 87 tuổi, làm bà trưởng hơn 20 năm do tuổi già, sức yếu, không thể quán xuyến công việc của

Hội, để có thể vận hành suôn sẻ, sư trụ trì đã lựa chọn cất đặt một ban trung tâm gồm có 5 cụ. Đây là những người tháo vát, nhanh nhẹn, đặc biệt là “nhất tâm cửa Phật, thật tâm cửa chùa”, phụ trách 5 đầu mối công việc quan trọng⁸. Ban trung tâm này lại lựa chọn các tổ trưởng, tổ phó⁹ giúp việc. Sau khi cất đặt các vị ban bệ, sư trụ trì đã thông qua và nhận được sự đồng thuận tuyệt đối từ Hội Chư bà. Từ đây, sư trụ trì có thể điều hành mọi hoạt động thực hành tôn giáo tại chùa Ngọc Tân thông qua các ban bệ trong Hội Chư bà. Như vậy, chuẩn mực của giáo lý Phật giáo là yếu tố đầu tiên góp phần định chế hóa quá trình hoạt động của Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân.

Không chỉ được định chế bằng chuẩn mực của giáo luật, Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân còn được định chế bằng những chuẩn mực của nền văn hóa làng xã truyền thống. Giống như nhiều cư dân làng xã khác của vùng đồng bằng Bắc Bộ, do đặc điểm của nghề nông dựa vào kinh nghiệm sản xuất để mưu sinh nên từ lâu, người dân Yên Sở đặc biệt coi trọng người cao tuổi bởi quan niệm “Khôn đâu đến trẻ, khỏe đâu đến già”. Trọng người cao tuổi theo chuẩn mực văn hóa truyền thống của cư dân nông nghiệp lúa nước thể hiện rõ trong lối ứng xử của các thành viên ở Hội Chư bà chùa Ngọc Tân. Cùng với việc xem trọng sự thọ giáo của sư thầy, trong quá trình vận hành, nhiều ý kiến của người cao tuổi, nhất là các cụ thuộc hàng cụ thượng được các thành viên của mạng lưới xã hội này tôn trọng, làm theo. Như vậy, cùng với chuẩn mực của giáo luật, chuẩn mực của nền văn hóa truyền thống đã góp phần định chế mạng lưới xã hội của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân.

Bên cạnh việc định chế bằng những chuẩn mực của tôn giáo, của văn hóa truyền thống, Hội Chư bà chùa Ngọc Tân còn được chế tài bởi luật pháp nhà nước mà trực tiếp là sự quản lý của chính quyền các cấp và của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Hoài Đức.

Tóm lại, 3 chuẩn mực giáo luật, luật pháp, tập quán đã góp phần định chế mạng lưới xã hội của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân. Việc thể chế hóa như vậy là điều kiện tiên quyết giúp mạng lưới xã hội này duy trì và phát triển bền vững. Tuy nhiên, như Bourdieu, Coleman, Putnam, Fukuyama đã chỉ ra, muốn tạo sinh vốn xã hội, việc thể chế hóa của mạng lưới xã hội phải dựa trên cơ sở của lòng tin. Vì vậy, sự tin cậy cũng chính là đặc điểm nổi bật thứ hai trong quá trình vận hành đa phương của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân.

Thứ hai, bên cạnh việc vận hành theo các chuẩn mực của luật pháp, luật tục, giáo luật, mạng lưới xã hội của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân còn được vận hành trên cơ sở của lòng tin mà trước hết là lòng tin giữa các thành viên của hội. Hiện nay, hơn 700 hội viên Phật tử kết nối và thực hành trọn vẹn mọi hoạt động tôn giáo tại chùa Ngọc Tân. Ban trung tâm phối hợp với các tổ trưởng, tổ phó làm việc minh bạch, đặc biệt là tài chính có sổ thu chi, quyết toán rõ ràng. Chính phương thức hoạt động minh bạch này đã khiến các thành viên của hội có lòng tin vào nhau và lòng tin vào Hội. Lòng tin này chính cơ sở quan trọng để duy trì và phát triển mạng lưới xã hội của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân.

Tuy nhiên, khác với nhiều tổ chức khác như hội đồng hương, hội đồng niên,... của làng xã người Việt, Hội Chư bà là một hội tôn giáo. Vì là hội tôn giáo nên các thành viên không chỉ có lòng tin vào nhau, tin vào Hội mà còn có niềm tin đặc biệt khác: niềm tin tôn giáo. Sở dĩ nói đây là niềm tin đặc biệt bởi nó liên quan, nhiều khi quyết định tới sự tồn vong, sống còn của mạng lưới xã hội này. Thực tế xảy ra ở Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân đã chứng minh cho vai trò đặc biệt quan trọng của niềm tin tôn giáo. Trước năm 2010, trụ trì chùa Ngọc Tân là nhà sư Thích Đạo Thịnh. 12 năm góp tâm góp sức kiến thiết chùa chiền, nhất tâm hướng thiện, quy môn Phật pháp, thọ giáo dân làng tốt đời, đẹp đạo, nhà sư Thích Đạo Thịnh được các vãi một lòng tin mến. Vì nhiều lý do, nhà sư phải rời chùa Ngọc Tân để đến trụ trì tại một ngôi chùa khác. Tuy nhiên, 12 năm là một khoảng thời gian đủ dài để Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân có sự gắn kết, thậm chí sùng tín nhà sư Thích Đạo Thịnh. Trong tâm thế một lòng ngóng vọng về nhà sư Thích Đạo Thịnh, nên năm 2010, về trụ trì tại chùa Ngọc Tân, nhà sư Thích Đạo Thực đã gặp phải sự phản đối từ phía Hội Chư bà. Họ không đến lễ, chùa chiền điêu hiu, vắng lặng. Sau một thời gian dài, bằng những việc làm thiện lương, nhất tâm phụng sự Phật, nhà sư Thích Đạo Thực đã dần cảm mến lòng người. Hiện nay, Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân đã thực hành các hoạt động tôn giáo bình thường.

Từ thực tế trên, có thể thấy, sự sùng bái hay lòng mến mộ, tín tưởng của Hội Chư bà một phần bởi Phật hạnh, tuệ hạnh của các nhà sư trụ trì, nhưng quan trọng hơn bởi nhà sư chính là một phần của Tam Bảo. Vì vậy, lòng tín tưởng đối với nhà sư đồng nhất với lòng tín tưởng tôn giáo. Do đó, tuy được thể chế hóa nhưng nếu thiếu vắng niềm tin tôn giáo, mạng lưới xã hội này sẽ đổ vỡ. Có thể nói, niềm tin với cả hai

dạng thức niềm tin con người và niềm tin tôn giáo chính là yếu tố tiên quyết, giúp mạng lưới xã hội này phát triển bền vững, vận hành theo hướng đa phương.

Như vậy, Hội Chư bà tại chùa Ngọc Tân là một mạng lưới xã hội. Mạng lưới này được xây dựng bởi kết nối đa điểm, thể chế hóa trên cơ sở vận hành đa phương theo những chuẩn mực của giáo luật, pháp luật, luật tục, niềm tin tôn giáo,... Kết quả của toàn bộ quá trình kết nối và vận hành ấy là tạo sinh ra nguồn vốn xã hội. Vậy vốn xã hội sẽ có tác dụng gì? Như Bourdieu đã phân tích, sau khi đầu tư trung hoặc ngắn hạn, chủ thể có thể sử dụng vốn xã hội để tạo sinh nhiều lợi ích khác nhau, ví dụ, lợi ích kinh tế. Đối với Hội Chư bà chùa Ngọc Tân, lợi ích mà Hội thu được từ nguồn vốn xã hội này thể hiện trên cả ba phương diện: kinh tế, xã hội và văn hóa. Đó chính là những tương tác đa chiều mà nguồn vốn này mang lại. Vì vậy, tương tác đa chiều chính là nội dung khoa học thứ ba được chúng tôi trình bày trong phần cuối của bài viết này.

3.3. Tương tác đa chiều

Sau khi các thành viên của Hội Chư bà đã dày công đầu tư xây dựng mạng lưới xã hội này, họ có thể tìm kiếm nhiều lợi ích khác nhau mà trước hết là lợi ích kinh tế.

Về kinh tế, lợi ích đầu tiên thuộc về một số cá nhân của hội. Trong quá trình tham gia thực hành phong tục tang ma tại địa phương, một số thành viên do thông thạo phong tục, có thể trợ giúp nhà sư trụ trì nên cũng được gia chủ có lòng cảm ơn bằng một số giá trị vật chất. Tuy nhiên, số này không nhiều và không phổ biến. Lợi ích lớn nhất về kinh tế mà Hội có thể tìm kiếm được là lợi ích kinh tế của tập thể. Với tư cách là một tổ chức hội của Phật giáo, bằng các hình thức khác nhau, Hội đã có nhiều nguồn thu kinh tế. Khi các vãi đi hộ phúc tang ma, gia chủ thường tâm đức về chùa, trung bình mỗi tháng được từ 2 đến 3 triệu đồng¹⁰. Hằng năm, vào dịp Tết Nguyên Đán và ngày lễ Vu Lan, Hội thường tổ chức hình thức đóng bè tập phúc. Trong hai dịp này, Phật tử đến lễ chùa thường phát tâm công đức. Mỗi đợt như vậy, Hội cũng có thể thu được từ 5 đến 7 triệu đồng¹¹. Bên cạnh đó, nhiều Phật tử tự nguyện đóng góp nhân lực, vật lực, tài lực hoặc huy động sức lực, phát tâm công đức, xây dựng chùa chiền như cụ Trần Hữu Đào, 80 tuổi... Đặc biệt là cụ Nguyễn Thị Mai, 80 tuổi, nhiều lần đi làm công đức, huy động công sức với số tiền lên tới hàng trăm triệu đồng¹².

Trong bối cảnh kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ, nhiều ngôi chùa ở Trung Quốc đã nhanh chóng nhập cuộc, trở thành một cơ sở sản xuất kinh tế với các hình thức như: kê đơn bốc thuốc, phát triển dịch vụ du lịch, thậm chí sản xuất hàng tiêu dùng,... Đây chính là nguồn kinh tế chủ đạo, duy trì và phát triển các hoạt động thực hành Phật giáo tại chùa. Tuy nhiên, nhiều hệ lụy đã xảy ra, không dễ gì khắc phục một sớm một chiều. Do đặc thù văn hóa của Việt Nam, những ngôi chùa làm kinh tế như vậy không nhiều. Trừ một số chùa thuộc danh thắng có nguồn thu từ dịch vụ du lịch, còn hầu hết các chùa đều khó khăn về mặt kinh tế. Trong bối cảnh đó, Hội Chư bà với mạng lưới xã hội kết nối đa điểm đã có thể tận thu kinh tế từ nhiều mối quan hệ khác nhau. Lợi ích kinh tế mà Hội Chư bà thu được là nguồn kinh phí đặc biệt quan trọng góp phần duy trì, phát triển các hoạt động thực hành tôn giáo mà Hội Chư bà ở chùa Ngọc Tân là một trong những trường hợp điển hình. Đây cũng chính là một trong những điểm đặc biệt của Phật giáo ở chùa Ngọc Tân nói riêng, chùa ở Bắc Bộ nói chung.

Về xã hội, như trên đã phân tích, mạng lưới xã hội của Hội Chư bà chùa Ngọc Tân hình thành trên cơ sở kết nối đa điểm: điểm kết nối *đồng dạng nền tảng* và điểm kết nối *đồng dạng khác biệt*. Nếu như điểm kết nối *đồng dạng nền tảng* phát huy lợi ích kinh tế đối với cá nhân, tập thể thì điểm kết nối *đồng dạng khác biệt* lại phát huy lợi ích đối với xã hội. Nhờ các tác nhân trung gian là thành viên của Hội Chư bà, nhiều thành viên khác của xã hội, nằm ngoài chuẩn mực của Hội Chư bà, cũng đã quy y cửa Phật. Khi nhất tâm, thiện chí đến với Phật giáo, các cá nhân này sẽ có nhiều cơ hội gieo duyên lành, khai mở mầm Phật tính. Đây chính là quá trình chuẩn bị để góp phần hình thành lối sống thiện lương, ổn định xã hội. Điểm kết nối đồng dạng khác biệt này đã tác động tới xã hội bên ngoài mạng lưới, theo quan điểm của Mark S. Granovetter, đó chính là sức mạnh của những kết nối yếu (the strength of weak ties).

Về văn hóa, đối với nhiều Phật tử, khi tham dự vào mạng lưới xã hội của Hội Chư bà, họ đã được đáp ứng nhu cầu cân bằng đời sống tâm linh trong một xã hội nhiều biến động như hiện nay. Trả lời phỏng vấn sâu, cụ Nguyễn Thị Lộc, 72 tuổi cho biết “Tôi già rồi, chẳng giúp được con cháu việc gì. Dân gian vẫn nói “Phúc đức tại Mẫu bà ơi”. Vì vậy, tôi đi lễ chùa, đem hết tâm sức phụng sự Đức Phật, không tơ hào cho dù một chút lợi ích cá nhân chỉ mong ở hiền gặp lành, con cháu sau này hưởng phúc”. Không chỉ đáp ứng nhu cầu tôn giáo của cá nhân, thông qua Hội Chư bà, nhiều

phong tục truyền thống, nhất là tục bán khoán, tang ma không những được thực hành mà có những biến đổi theo giáo lý nhà Phật, ngày càng phù hợp hơn với cuộc sống hiện tại. Và trên phương diện văn hóa, điều quan trọng nhất mà nguồn vốn xã hội này mang lại cho Hội Chư bà là sự kết nối các Phật tử trong một tổ chức giáo hội có quy chuẩn riêng. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Phật giáo ở chùa Ngọc Tân nói riêng, Phật giáo Việt Nam nói chung bởi tín đồ chính là một trong số những tác nhân có vai trò quyết định tới sự hưng suy của Phật giáo.

4. Kết luận

Nghiên cứu về các tổ chức phường hội vốn không phải là một chủ đề mới, nhiều khi trở thành nhàm chán trong nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, nếu có hướng tiếp cận mới, đặc biệt là vận dụng các lý thuyết nhân học hiện đại, hoàn toàn có thể khám phá nhiều chiều cạnh mới mẻ, thú vị về văn hóa Việt Nam. Việc áp dụng các lý thuyết nhân học hiện đại không chỉ nhằm khám phá những cái mới trong vấn đề cũ mà còn giúp tiếp cận gần hơn với thành tựu nghiên cứu khoa học xã hội trong khu vực và quốc tế, nhất là trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hội Chư bà là hội của những người phụ nữ từ 50 tuổi trở lên. Những người này chính thức là thành viên của Hội Chư bà sau khi họ đã dự lễ quy y Tam bảo tại chùa do sư trụ trì làm chủ lễ. Từ đây, các hoạt động thực hành tôn giáo của họ phải tuân theo những quy định chuẩn mực của Hội, như học kinh, tụng kinh niệm Phật, cúng dường Tam Bảo, bố thí nhân gian, đóng tâm góp sức xây dựng, phát triển chùa, hội...
- 2 Yên Sở là một xã ngoại thành Hà Nội. Trong hệ thống các làng Việt cổ, Yên Sở là trường hợp nhất xã nhất thôn, một làng tạo thành một xã. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2013, diện tích của xã là 4,88 km² với tổng dân số là 10.688 người. Bên cạnh nhiều hạng mục kiến trúc nổi tiếng, nhất là di tích Quán Giá thờ Lý Phục Man, xã Yên Sở có 5 ngôi chùa: Lự, Pháp Vũ, Phật Linh, Vĩnh Phúc và Ngọc Tân. Căn cứ vào niên đại của những di vật như chuông đúc năm Cảnh Thịnh thứ nhất (1793), khánh đúc năm Thiệu Trị thứ 5 (1864) thì Ngọc Tân là một trong những ngôi chùa cổ nhất tại Yên Sở. Theo tư liệu hồi cố thu được, chùa đã trải qua 7 đời sư trụ trì. Trong suốt thời gian đó, Hội Chư bà luôn là một tổ chức đặc biệt quan trọng, xuất hiện, đồng hành cùng quá trình thực hành Phật giáo tại chùa Ngọc Tân.
- 3 Lyda Judson Hanifan (1879 - 1932) sinh tại Mỹ. Trong công trình “Các trung tâm cộng đồng trường nông thôn”, Biên niên sử của Học viện Chính trị và Khoa học xã hội Mỹ, xuất bản lần đầu năm 1916, ông đã đề cập tới khái niệm vốn xã hội. Đây có thể coi là một trong những công trình khoa học đầu tiên trên thế giới phân tích về vai trò, tác dụng của vốn xã hội.

- 4 Pierre Bourdieu (1930 - 2002) sinh tại Pháp. Ông là một nhà triết học, xã hội học, nhân chủng học nổi tiếng. Trong công trình “Các hình thức vốn”, xuất bản lần đầu năm 1986, ông đã phân biệt ba loại vốn: vốn kinh tế, vốn văn hóa và vốn xã hội.
- 5 Le capital social est un “réseau durable de relations plus ou moins institutionnalisées d’interconnaissance et d’inter reconnaissance” Pierre Bourdieu, *Le sens pratique*, Paris, Ed. Minuit, 1980 - dẫn theo Trần Hữu Quang (2013), *Lòng tin & vốn xã hội*, Nxb. Tri thức, Hà Nội: 50 - 51.
- 6 Nhiều tác giả (2013), *Lòng tin & vốn xã hội*, Nxb. Tri thức, Hà Nội: 330.
- 7 Phan Kế Bính (1999), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Bản đồ, Hà Nội: 204.
- 8 Cụ Lê Thu Hà, 67 tuổi, phụ trách chung, quản lý các đầu mối công việc. Cụ Nguyễn Thị Lộc, 72 tuổi, quản lý công việc kiến thiết, trùng tu, tôn tạo chùa. Cụ Nguyễn Thị Thảo, 77 tuổi, thư ký. Cụ Nguyễn Thị Thạch, 85 tuổi, phụ trách sắp xếp các bộ kinh chuẩn bị cho các khóa lễ. Cụ Nguyễn Thị Minh Tín, 60 tuổi, phụ trách hoạt động văn nghệ.
- 9 Hiện nay, xã Yên Sở có 9 đội. Trừ đội 3, 4, 5, mỗi đội chỉ có 1 tổ trưởng còn lại các đội 1, 6, 7, 8, 9 đều có 1 tổ trưởng, 1 tổ phó.
- 10 Số liệu thu được từ quá trình điền dã của tác giả vào tháng 10 năm 2015.
- 11 Số liệu thu được từ quá trình điền dã của tác giả vào tháng 10 năm 2015.
- 12 Số liệu thu được từ quá trình điền dã của tác giả vào tháng 10 năm 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính (1999), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Bản đồ, Hà Nội.
2. Bourdieu, P. (1986), *The Forms of Capital*, in J. Richardson (Ed.), *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*, (New York, Greenwood): 241 - 258.
3. Hanifan, L. J. (1916), “The Rural School Community Center”, *Annals of the American Academy of Political and Social Science* (67): 130 - 138.
4. Nhiều tác giả (2013), *Lòng tin và vốn xã hội*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

Abstract

BUDDHISM’S CHU’ BÀ ASSOCIATION SEEN FROM THE THEORY OF SOCIAL CAPITAL (A Case Study of Chư Bà Association in Ngọc Tân Pagoda, Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội)

Applying the theory of social capital of Pierre Bourdieu, we study the practice of Buddhism of Chu Ba group at Ngọc Tân pagoda, Yên Sở commune, Hoài Đức district, Hanoi city on three dimensions: connection multipoint, multilateral operation, multidimensional interaction. Our study aims at applying the modern anthropological theory to find out issues of the religious practice in the context of global integration in Vietnam today.

Key words: Buddhism, Chư bà, Hanoi, social capital.